TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2018

V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hổ

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp BT, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp AT, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Y trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tuấn N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MTA, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/12/2003. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường xuyên cờ bạc, không lo lắng cho gia đình. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Bà và ông N đã ly thân 01 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu xin được ly hôn.

Quá trình chung sống, bà và ông N có một con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/3/2004. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình chung sống, bà và ông N có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông N đến để tiến hành hòa giải nhưng ông N vẫn vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Phạm Thị Y và ông Nguyễn Tuấn N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MTA, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/12/2003. Hôn nhân do tự nguyện. Bà Y cho rằng sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn.

Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông N đến để tiến hành hòa giải nhưng ông N vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của bà Y:

Bà Y và ông N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MTA, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/12/2003. Hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình hôn nhân, bà Y cho rằng ông N thường xuyên cờ bạc, không lo lắng cho gia đình, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện bà không còn tình cảm với ông N nên kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời ông N đến để hòa giải, hàn gắn gia đình nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt. Bà Y và ông N cũng đã ly thân 01 năm nay. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 27/6/2018 thì bà Y và ông N thường xuyên cự cãi, ông N đã bỏ đi khoảng 03 – 04 năm nay.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Y và ông N là có thật, mâu thuẫn đã phát sinh từ năm 2015 nhưng cho đến nay cả hai không tìm cách tháo gỡ được. Ông N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Y và ông N có một con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/3/2004. Khi ly hôn, bà Y xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của bà Y là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Y khai tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Y phải nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Y, cụ thể tuyên:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn N.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Y là người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/3/2004. Ghi nhận việc bà Phạm Thị Y không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tuấn N được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Phạm Thị Y phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017219 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án bà Phạm Thị Y được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Tuấn N vắng mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã MTA, TP BT, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều